TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH.
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Văn Long
2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*
1/ Anh Đỗ Trí P, sinh năm 1982
2/ Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1982
Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(anh C có mặt, anh P và chị O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện, B tự khai cùng ngày 13 tháng 9 năm 2023, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày như sau:

Anh và anh Đỗ Trí P, chị Nguyễn Thị O là bạn bè, quen biết với nhau từ giữa năm 2020. Vào khoảng tháng 4/2021, anh có vay dùm anh P và chị O số tiền 450.000.000đồng với lãi suất 3%/tháng, trả lãi hàng tháng (mỗi tháng trả 13.500.000đồng tiền lãi), vay không có thời hạn, mục đích vay để mua xe. Sau khi vay, anh P, chị O chỉ trả được vài tháng tiền lãi, không trả tiền lãi đúng hạn nên anh phải trả lãi thay vợ chồng anh P, chị O. Đến tháng 10/2022, anh không có khả năng trả lãi tiếp nên anh vay tiền ngân hàng trả nợ thay cho anh P, chị O. Do đó, anh P, chị O làm Biên nhận nhận tiền ngày 25/10/2022 với nội dung xác nhận có nợ anh số tiền 625.000.000đồng, thỏa thuận trả lãi theo lãi suất 2,9%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Từ sau khi làm biên nhận, anh P, chị O không trả cho anh bất cứ khoản tiền nào. Anh nhiều lần yêu cầu anh P và chị O trả nợ cho anh nhưng anh P và chị O trốn tránh, hứa hẹn mà không trả. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu anh P và chị O phải trả cho anh số tiền vốn gốc là 625.000.000đồng cùng tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng, tạm tính từ tháng 11/2022 đến tháng 9/2023 là 11 tháng thành tiền là 103.125.000đồng), yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 625.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với các bị đơn anh Đỗ Trí P và chị Nguyễn Thị O: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Đỗ Trí P và chị Nguyễn Thị O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên

căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày như sau: Anh Đỗ Trí P và chị Nguyễn Thị O có làm Biên nhận nhận tiền ngày 25/10/2022 với nội dung xác nhận anh P, chị O có nợ anh C số tiền 625.000.000đồng, thỏa thuận trả lãi với lãi suất 2,9%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Từ sau khi làm biên nhận, anh P, chị O không trả cho anh C bất cứ khoản tiền nào. Anh C nhiều lần yêu cầu anh P và chị O trả nợ nhưng anh P và chị O trốn tránh, hứa hẹn mà không trả. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, các bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng, đã được nhận bản sao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với lời trình bày của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vay là 625.000.000đồng.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 625.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu các bị đơn trả tiền nhưng các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng thỏa thuận. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của các bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tiền lãi trong hạn, tiền lãi chậm trả do các bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu các bị đơn phải trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận các bị đơn không phải trả các khoản lãi này.

[4] Về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật

Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn C.

Buộc bị đơn anh Đỗ Trí P và chị Nguyễn Thị O phải trả cho nguyên đơn anh Phạm Văn C số tiền là 625.000.000đồng (sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn anh Phạm Văn C có yêu cầu thi hành án, nếu các bị đơn anh Đỗ Trí P và chị Nguyễn Thị O chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Các bị đơn anh Đỗ Trí P và chị Nguyễn Thị O phải chịu 31.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn anh Phạm Văn C 16.563.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011952 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc